

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 6980 /TNMT

V/v tạm dừng giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến 139 thửa đất tại phường Vĩnh Hòa theo Kết luận của Đoàn kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI  
THÀNH PHỐ NHA TRANG

ĐẾN

Số: 7152  
Ngày: 10/7/18

Chuyển: Thực hiện

Lưu hồ sơ: Nha Trang

Kính gửi: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai TP Nha Trang.

Thông báo số 1490/TB-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố về việc Kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố về kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý: “ Yêu cầu UBND phường Vĩnh Hòa kiểm tra, rà soát báo cáo cụ thể nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đất đối với 139 thửa đất (Phụ lục 3) đang bị dân chiếm dụng, đề xuất giải quyết cụ thể. Thời gian hoàn thành trước ngày 19/5/2018”.

Hiện nay, UBND phường Vĩnh Hòa chưa thực hiện theo chỉ đạo của UBND thành phố Nha Trang tại văn bản nêu trên.

Để ngăn chặn hậu quả pháp lý xảy ra, Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Nha Trang tạm dừng giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến 139 thửa đất nêu trên.

Trân trọng./.

(Đính kèm Thông báo số 1490/TB-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Nha Trang và Báo cáo số 6950/BC-ĐKTr ngày 17/10/2017 của Đoàn Kiểm tra).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HS (Khuê).

KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Khánh Nguyễn

- C. Hòa chấp cái bae  
- X. Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nha Trang, ngày 10 tháng 7 năm 2018

1871

anquyen

29/11

Kiểm theo dõi và kiểm tra!

gice

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1490/TB-UBND  
Số: 15943  
Nha Trang, ngày 21 tháng 11 năm 2017

Sno p...  
b' th...  
ca

**THÔNG BÁO**  
Kết luận của Phó Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang về kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vinh Hòa quản lý.

Ngày 09/ 11/ 2017, tại Văn phòng HĐND & UBND thành phố Nha Trang, ông Lê Huy Toàn, phó Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang chủ trì cuộc họp về kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vinh Hòa quản lý. Tham dự cuộc họp có đại diện các đơn vị: Phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Quản lý đô thị, Thanh tra thành phố Nha Trang, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Nha Trang, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường và cán bộ địa chính phường Phước Hòa, Văn phòng HĐND&UBND thành phố Nha Trang.

Sau khi nghe Phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo đề xuất và ý kiến của các thành viên dự họp, ông Lê Huy Toàn, Phó Chủ tịch UBND thành phố kết luận như sau:

1. Thông nhất Báo cáo số 6950/BC-ĐKTr ngày 17/10/2017 của Đoàn Kiểm tra - Phòng tài nguyên và Môi trường về kết quả kiểm tra công tác và sử dụng đất (đất công ích, đất chưa giao, đất chưa sử dụng) do UBND phường Vinh Hòa quản lý.

2. Yêu cầu Chủ tịch UBND phường Vinh Hòa:

- Tổ chức rút kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về đất đai (để xảy ra tình trạng lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, xây dựng trái phép trên đất công); xem xét kỷ luật cán bộ Địa chính phường Vinh Hòa, vì đã thiếu trách nhiệm trông công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ địa chính và chậm tham mưu công rà soát báo cáo quỹ đất công do UBND phường quản lý, sử dụng.

- Kiểm tra, rà soát báo cáo cụ thể nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đất đối với 139 thửa đất (Phụ lục 3) đang bị dân chiếm dụng, đề xuất giải quyết cụ thể.

Thời gian hoàn thành và báo cáo kết quả cho UBND thành phố Nha Trang trước ngày 19/5/2018.

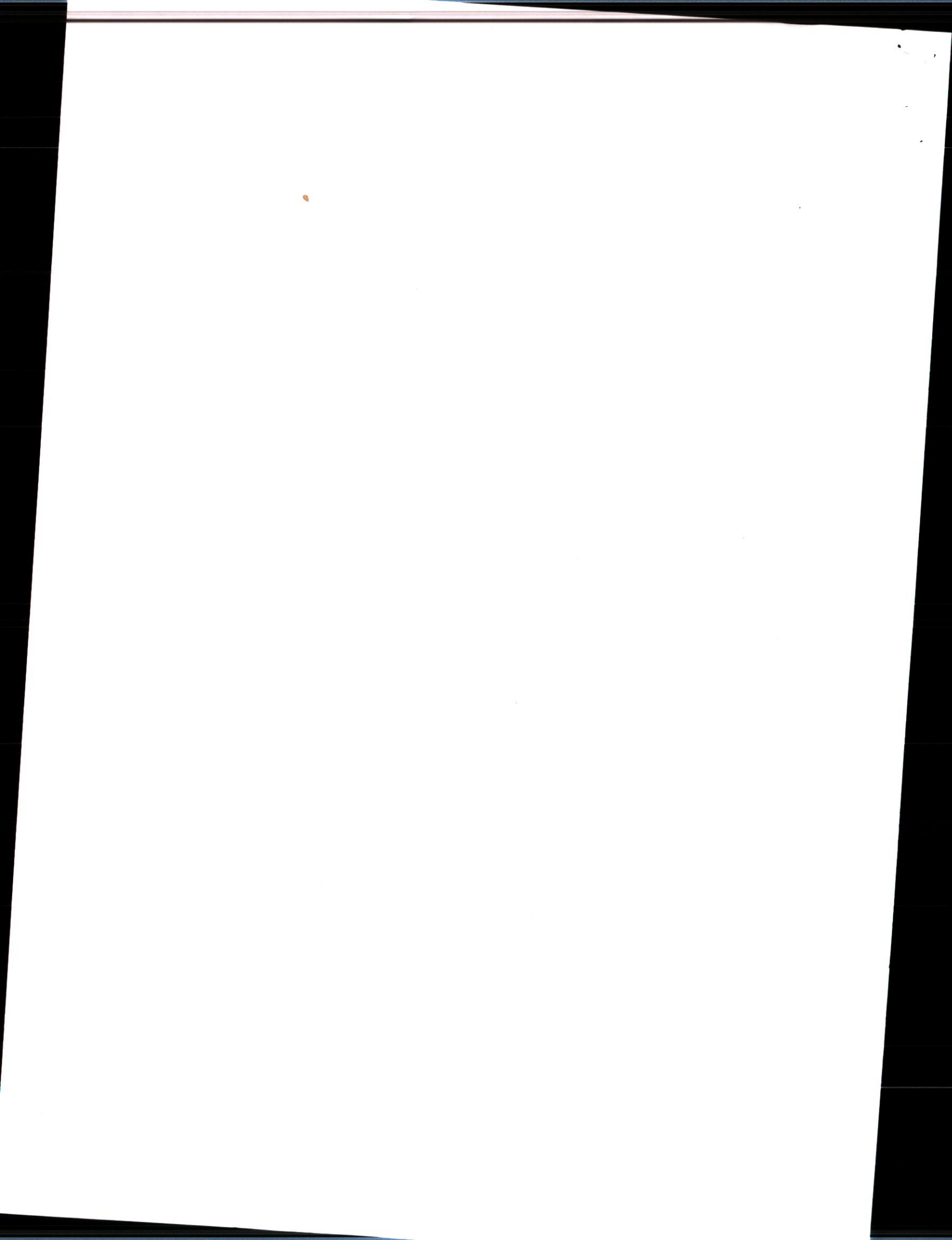
- Tăng cường kiểm tra, xử lý kịp thời các trường hợp xây dựng trái phép trên địa bàn và đẩy nhanh việc rà soát, lập hồ sơ quản lý quỹ đất công theo chỉ đạo của UBND thành phố.

UBND thành phố Nha Trang thông báo để các đơn vị dự họp biết và thực hiện.

- Nơi nhận:
- Chủ tịch, các phó Chủ tịch UBND TP;
  - Các đơn vị dự họp;
  - Lãnh đạo Văn phòng;
  - Lưu VT, CV.Chúc.

TL. CHỦ TỊCH





Nha Trang, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Số: 6950 /BC-ĐKTr

## BÁO CÁO

**Kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất (đất công ích, đất chưa giao, đất chưa sử dụng) do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý**

**Kính gửi: Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang.**

Thực hiện Quyết định số 10965/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc thành lập Đoàn kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công (đất công ích, đất chưa giao, đất chưa sử dụng) do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý; sau khi tiến hành xác minh, kiểm tra thực địa, thu thập, rà soát hồ sơ địa chính và xem xét giải trình của UBND phường Vĩnh Hòa tại công văn số 392/BC-UBND ngày 21/9/2017 (sau khi Đoàn Kiểm tra thông qua dự thảo Báo cáo Kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý vào ngày 14/9/2017), Đoàn Kiểm tra báo cáo kết quả như sau:

### I. Đặc điểm – Tình hình:

Phường Vĩnh Hòa được thành lập do tách ra từ phường Vĩnh Hải theo Nghị định số 22/2002/NĐ-CP ngày 15/3/2002 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính phường Vĩnh Hải để thành lập phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với diện tích 11,56km<sup>2</sup>, tổng số dân 9.369 người, gồm 2.359 hộ, có địa giới hành chính như sau:

- Đông giáp Biển Đông;
- Tây và Nam giáp phường Vĩnh Hải;
- Bắc giáp xã Vĩnh Lương.

Do đặc thù trước đây thuộc địa phận phường Vĩnh Hải được tách ra, thành lập mới từ năm 2002, nên hồ sơ địa chính và đặc biệt là hồ sơ điều chỉnh ruộng đất để giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ đều có nguồn gốc, xuất phát từ phường Vĩnh Hải.

Thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành quy định giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, Hội đồng điều chỉnh ruộng đất phường Vĩnh Hải đã

lập Phương án điều chỉnh ruộng đất ngày 20/5/1994, được UBND thành phố Nha Trang phê duyệt như sau:

- Tổng quỹ đất Hợp tác xã Vĩnh Hải đang quản lý là 47,5735 ha;
- Tổng quỹ đất đưa vào cân đối là 46,259 ha;
- Trích quỹ đất đưa vào dự phòng 5% là 1,6846 ha (Quỹ đất 5% do UBND phường Vĩnh Hải quản lý, cho đấu thầu, cho thuê để thu ngân sách).

Diện tích đất 5% thuộc địa phận phường Vĩnh Hòa quản lý sau khi tách ra từ phường Vĩnh Hải gồm có 2 thửa với tổng diện tích 725m<sup>2</sup> (Ruộng Dừng: 225m<sup>2</sup> và Chùa Trên: 500m<sup>2</sup>), hiện nay đã bị giải tỏa xây dựng làng SOS và Khu dân cư phía Bắc.

## II. Kết quả kiểm tra, xác minh:

### 1. Về tài liệu, hồ sơ, sổ sách quản lý đất đai:

Theo báo cáo của UBND phường Vĩnh Hòa tại công văn số 215/UBND ngày 27/3/2017: Sau khi chia tách, UBND phường Vĩnh Hải không bàn giao hồ sơ địa chính cho UBND phường Vĩnh Hòa, nên hiện nay UBND phường Vĩnh Hòa không có hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và chỉ cung cấp cho Đoàn kiểm tra một số quyết định của UBND tỉnh thu hồi đất trồng rừng đối với các hộ gia đình, cá nhân tại khu vực tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa. Ngoài ra, UBND phường Vĩnh Hòa không cung cấp thêm tài liệu, hồ sơ địa chính liên quan đến công tác quản lý đất công do UBND phường quản lý theo quy định: bản đồ địa chính qua các thời kỳ, sổ mục kê, sổ theo dõi quản lý đất công, hợp đồng thuê đất...

Không được bàn giao hồ sơ sổ sách, nhưng từ năm 2002 đến nay UBND phường Vĩnh Hòa không chủ động liên hệ UBND phường Vĩnh Hải hoặc các cơ quan chuyên môn quản lý về đất đai cấp thành phố và cấp tỉnh để sao lục hồ sơ địa chính phục vụ cho công tác quản lý đất đai tại địa phương và phục vụ cho công tác thanh kiểm tra.

### 2. Về tình hình quản lý và sử dụng đất công ích 5%:

Năm 2007, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1328/QĐ-CT-UBND ngày 24/4/2007 về việc thành lập Đoàn Thanh tra việc quản lý và sử dụng đất công ích (đất 5%) tại phường Vĩnh Hải. Theo Báo cáo số 4399/BC-ĐTTĐTĐ ngày 12/11/2007 của Đoàn Thanh tra và Thông báo số 356/TB-UBND ngày 12/12/2007 của UBND thành phố về kết luận cuộc họp thông qua kết quả thanh tra việc quản lý

và sử dụng đất công ích (đất 5%) tại phường Vĩnh Hải, cho thấy: Quỹ đất 5% của phường Vĩnh Hải gồm 9 thửa với tổng diện tích là 7.850m<sup>2</sup> được Hội đồng điều chỉnh ruộng đất đã giao cho UBND phường Vĩnh Hải quản lý theo Giấy giao nhận diện tích đất nông nghiệp số 100/HDDCRĐ ngày 23/6/1996, trong đó có 2 thửa với tổng diện tích 725m<sup>2</sup> (Ruộng Dừng: 225m<sup>2</sup> và Chùa Trên: 500m<sup>2</sup>) hiện nay thuộc địa phận phường Vĩnh Hòa quản lý đã bị giải tỏa xây dựng làng SOS và Khu dân cư phía Bắc (còn lại 7 thửa có tổng diện tích 7.125m<sup>2</sup> tọa lạc tại khu vực ao bèo Tân Tiến – Tây Nam, Vĩnh Hải). Do đó, phường Vĩnh Hòa không còn quỹ đất 5% được trích lại theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ.

### 3. Về tình hình quản lý, sử dụng các loại đất công.

3.1. Theo Danh sách thống kê quỹ đất do UBND xã, phường quản lý năm 2013, đất công do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý là 06 thửa với tổng diện tích 8.271,1m<sup>2</sup>, cụ thể như sau:

STT	Số TBD	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Loại đất	Đối tượng sử dụng
1	13	2	3.343	Lâm nghiệp	Ông Nguyễn Phúc Quảng đang sử dụng tại Tổ 1 Hòa Tây,
2	33	84	619,8	Cây lâu năm	Ông Cao Xuân Trục đang sử dụng làm cơ sở sản xuất tăm nhang tại Tổ 12 Hòa Trung,
3	33	110	2.713,1		
4	54	52	743,3		Chợ Ba Làng
5	54	72	655,9	Giáo dục	Trường Mẫu giáo Ba Làng
6	63	2 (một phần)	196	Ao	
Tổng cộng: 06 thửa			8.271,1m <sup>2</sup>		

3.2. Theo công văn số 215/UBND ngày 27/3/2017, UBND phường Vĩnh Hòa báo cáo hiện đang quản lý 04 thửa đất (không ghi rõ số thửa, số tờ bản đồ) và cung cấp một số quyết định thu hồi đất trồng rừng đối với các hộ gia đình, cá nhân tại tổ 13 Đường Đệ, cụ thể:

- Thửa thứ 1: Bà Nguyễn Thị Mẫn tranh chấp với ông Nguyễn Phúc Quảng tại tổ 1 Hòa Tây, được UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi, nhưng thực tế ông Quảng vẫn sử dụng từ đó đến nay;

- Thửa thứ 2: Ao nước tại tổ 3 Đông Bắc hiện do HTX nông nghiệp quản lý.

- Thửa thứ 3: Ông Nguyễn Đức Dũng đang sử dụng, có nguồn gốc ông Hàn khai hoang, sau đó giao lại cho Ban Điều hành khóm Ba Làng để xây dựng trụ sở Ban bảo vệ dân phố.

- Thửa thứ 4: Đất chợ Ba Làng.

Như vậy, số liệu về đất công qua 02 lần UBND phường báo cáo không thống nhất, cho thấy công tác quản lý đất công của UBND phường chưa chặt chẽ. Do đó, Đoàn kiểm tra đã chủ động rà soát, đối chiếu hồ sơ địa chính (có nguồn gốc từ phường Vĩnh Hải) kết hợp kiểm tra thực địa, kết quả như sau:

a) Theo Sổ đăng ký ruộng đất phường Vĩnh Hải năm 1986:

Qua rà soát nhận thấy có 37 thửa với tổng diện tích 802.408m<sup>2</sup> (Phụ lục 1) ghi chú là đất do UBND phường Vĩnh Hải quản lý (nay thuộc địa phận phường Vĩnh Hòa) được phân bố tại các tờ bản đồ số 2 (gồm 17 thửa), tờ bản đồ số 5 (gồm 06 thửa), tờ bản đồ số 6 (gồm 07 thửa), tờ bản đồ số 7 (gồm 07 thửa) thuộc Bộ bản đồ đo vẽ năm 1986 (bản đồ 299), được phân loại theo mục đích sử dụng đất theo bảng kê sau:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Đất màu	ĐM, Rau, Màu	10	45.565
2	Đất chưa đăng ký	CDK	3	10.375
3	Đất chưa sử dụng	Hg	14	377.078
4	Đất trồng cây ăn quả	Q	2	341.000
5	Đất thổ cư	T	6	10.220
6	Đất trồng rừng	Rtr/nn	2	18.170
Tổng:			37	802.408

Đối chiếu với Bản đồ địa chính phường Vĩnh Hòa năm 2008, tình trạng sử dụng đối với 37 thửa đất trên như sau:

- 24 thửa (**Phụ lục 2**) bị giải tỏa thuộc các dự án: khu dân cư Nam Hòn Khô, khu dân cư Bắc Vĩnh Hải, khu du lịch Rusalka với tổng diện tích 742.623m<sup>2</sup>;

- 01 thửa (Núi Hòn Một), diện tích 9.510m<sup>2</sup>, trong đó một phần diện tích làm đường giao thông (**Phụ lục 2**);

- 12 thửa với tổng diện tích 50.275m<sup>2</sup> (đối chiếu Bản đồ năm 2008 đã biến động thành 139 thửa), hiện trạng đang được người dân sử dụng và xây dựng nhà ở (**Phụ lục 3**). Qua kiểm tra sơ bộ, Đoàn kiểm tra nhận thấy một số thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ gia đình, cá nhân và đã được kê khai trong Sổ mục kê đất đai năm 2014. Tại văn bản 392/BC-UBND ngày 21/9/2017 của UBND phường Vĩnh Hòa báo cáo giải trình công tác quản lý sử dụng đất công phường Vĩnh Hòa, thì:

+ Thửa 516, tờ bản đồ số 2, diện tích 7,920m<sup>2</sup> (Bản đồ năm 1986, nay tương ứng 19 thửa thuộc tờ bản đồ 64 và 11 thửa thuộc tờ bản đồ 65), trước đây do gộp, trong đó: hiện nay UBND phường quản lý thửa 32, tờ bản đồ 65, diện tích 2,480.6m<sup>2</sup> (đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-04363 ngày 02/10/2014); thửa 205, 206 tờ bản đồ 64 do Chùa Phú Đức quản lý và sử dụng trước năm 1975; thửa 236 – 252, tờ bản đồ 64, thửa 33-42 tờ bản đồ 65 là đất các hộ dân sử dụng ổn định từ trước năm 1986. Tuy nhiên, UBND phường chỉ cung cấp danh sách 05 hộ có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất sử dụng thửa 516, tờ bản đồ số 2 (Bản đồ năm 1986).

+ Thửa số 7, tờ bản đồ số 6, diện tích 1,610m<sup>2</sup> (Bản đồ năm 1986, nay tương ứng 10 thửa thuộc tờ bản đồ 28), giao cho Công ty 18/4. Năm 2001, Công ty 18/4 giao lại Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để thực hiện dự án khu dân cư Đường Đệ. Tuy nhiên, UBND phường không cung cấp hồ sơ chứng minh.

+ Thửa 19, tờ bản đồ số 6, diện tích 30,850m<sup>2</sup> (Bản đồ năm 1986, nay tương ứng 57 thửa thuộc tờ 36), một phần đất làm Trường Bán (Theo Quyết định số 1672/UB ngày 17/10/1988 của UBND tỉnh giao đất xây dựng trường bán với diện tích 22.500m<sup>2</sup>, nay giao lại cho dự án nhà ở quân đội), một phần có nguồn gốc do

các hộ dân khai hoang trồng mỳ từ năm 1976, một phần do UBND tỉnh cấp cho ông Huỳnh Quòn (UBND phường không cung cấp hồ sơ chứng minh).

Ngoài ra, trong quá trình quản lý đất đai tại địa phương, UBND tỉnh và UBND thành phố đã tiến hành thu hồi đất đối với Doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân giao cho UBND phường quản lý, nhưng UBND phường không cập nhật đưa vào danh sách theo dõi quản lý đất công, cụ thể:

- 70 Quyết định thu hồi đất đối với các hộ gia đình, cá nhân vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai tại khu vực Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa (theo Thông báo số 447/TT-UB ngày 26/12/1998 của UBND tỉnh về kết luận xử lý những vi phạm pháp luật đất đai), trong đó:

+ 49 Quyết định do UBND tỉnh ban hành (Sở Địa chính, nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu);

+ 21 Quyết định do UBND thành phố ban hành (UBND tỉnh giao UBND thành phố thu hồi đất đối với 21 trường hợp). UBND phường cung cấp 01 Quyết định thu hồi đất. Đồng thời, Đoàn Kiểm tra đã liên hệ Văn phòng HĐND và UBND thành phố sao lục quyết định thu hồi đối với 21 trường hợp này nhưng chưa tìm thấy.

Qua kiểm tra thực địa, hiện trạng khu vực đất lâm nghiệp bị thu hồi trên có một số trường hợp xây dựng trái phép nhưng UBND phường chưa xử lý vi phạm hành chính.

- Khu Tập thể gia đình Xí nghiệp gỗ 19/5, diện tích 13.450m<sup>2</sup> do UBND tỉnh thu hồi theo Quyết định số 3387/QĐ-UB ngày 24/11/1998 giao cho UBND phường Vĩnh Hải (nay thuộc phường Vĩnh Hòa) quản lý.

UBND tỉnh đã có văn bản số 6170/UBND-XDND ngày 12/7/2017 giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý kiến nghị của UBND phường Vĩnh Hòa tại văn bản số 517/UBND ngày 06/7/2017 đề nghị cho các hộ gia đình tại khu vực này được hợp thức hóa quyền sử dụng đất. Ngày 24/8/2017, UBND tỉnh có văn bản số 7607/UBND-XDND đồng ý cho UBND thành phố tiếp nhận khu đất trên để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định (theo đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 3538/STNMT-CCQLĐĐ ngày 14/8/2017).

- Thửa số 20 (một phần), tờ bản đồ số 41 (đất do Nhà nước quản lý, đã điều chỉnh giảm diện tích sử dụng 289,8m<sup>2</sup> trên Giấy chứng nhận số H25570 ngày 23/6/2008 cấp cho ông Nguyễn Thăng).

- Khu đất 133 Dương Hiến Quyền có tổng diện tích 99,2m<sup>2</sup>, gồm các thửa số: 94, 103, 104, 105 tờ bản đồ 54 (thuộc thửa số 19, tờ bản đồ số 5 theo Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986), hiện là trụ sở Ban bảo vệ dân phố và 03 hộ đang sử dụng (Nguyễn Đức Dũng, Vũ Ngọc Sang, Ngô Xuân Độ). UBND phường Vĩnh Hòa vẫn chưa nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Nha Trang tại văn bản số 6654/UBND-TNMT ngày 17/11/2016.

**b) Theo Sổ mục kê đất đai năm 2014 của phường Vĩnh Hòa.**

Qua rà soát nhận thấy có 150 thửa với tổng diện tích 301.441m<sup>2</sup> (Phụ lục 4) do UBND phường quản lý được phân loại mục đích sử dụng đất theo bảng kê sau:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Số thửa	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	16	8.952,9
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	01	6.591,8
3	Đất giao thông không kinh doanh	DGT	103	218.453,4
4	Đất thủy lợi không kinh doanh	DTL	21	60.973,5
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	DTD	01	92,4
6	Đất ở đô thị	ODT	02	266,8
7	Đất sông ngòi, kênh rạch	SON	06	6.110,2
<b>Tổng cộng:</b>			<b>150</b>	<b>301.441</b>

Theo bảng kê trên, sau khi trừ các loại đất gồm: đất giao thông, đất thủy lợi, đất sông ngòi, kênh rạch thì đến năm 2014, UBND phường Vĩnh Hòa quản lý 20 thửa với tổng diện tích 15.903,1m<sup>2</sup> (đất bằng chưa sử dụng: 16 thửa, diện tích 8.952,9m<sup>2</sup>; đất đồi núi chưa sử dụng: 01 thửa, diện tích 6.591,8m<sup>2</sup>; đất ở đô thị: 02 thửa, diện tích 266,8m<sup>2</sup>; đất nghĩa trang: 01 thửa, diện tích 92,4m<sup>2</sup>).

Ngoài 20 thửa với tổng diện tích 15.903,1m<sup>2</sup> nêu trên, qua rà soát các nguồn tài liệu xác định là đất công đã giao cho UBND phường quản lý gồm 03 thửa nhưng Sổ

mục kê đất đai năm 2014 không thể hiện là đất công do UBND phường quản lý và 01 thửa không kê khai trong Sổ mục kê đất đai năm 2014, cụ thể:

- Thửa số 2, tờ bản đồ số 13, hiện do ông Nguyễn Phúc Quảng sử dụng (bị thu hồi theo Quyết định số 2703/QĐ-UB ngày 15/7/2002 của UBND thành phố về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Phúc Quảng với bà Nguyễn Thị Mẫn);

- Thửa số 84 và số 110, tờ bản đồ số 33 (UBND phường quản lý theo Quyết định số 466/QĐ-UB ngày 09/5/1996 của UBND thành phố, hiện do ông Cao Xuân Trục sử dụng);

- Thửa số 20 (một phần), tờ bản đồ số 41 (đất do Nhà nước quản lý, đã điều chỉnh giảm diện tích sử dụng 289,8m<sup>2</sup> trên Giấy chứng nhận số H25570 ngày 23/6/2008 cấp cho ông Nguyễn Thăng).

**c) Về công tác quản lý, cho thuê đất công:**

Qua kiểm tra, cho thấy: UBND phường cho ông Cao Xuân Trục thuê thửa số 84 và thửa số 110, tờ bản đồ số 33 theo Hợp đồng số 01/2008HĐ-UBND, thời hạn thuê 01 năm (từ ngày 01/01/2008 đến 31/12/2008) và để ông Cao Xuân Trục xây dựng nhà trái phép nhưng không tiến hành xử lý vi phạm hành chính theo quy định; hết hạn hợp đồng năm 2008, UBND phường Vĩnh Hòa không kiên quyết thu hồi lại để giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh mà vẫn để cho ông Cao Xuân Trục tiếp tục sử dụng.

Theo khoản 1 Điều 164 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “UBND cấp xã có trách nhiệm quản lý, bảo vệ đất chưa sử dụng tại địa phương và đăng ký vào hồ sơ địa chính”, UBND phường không có thẩm quyền cho thuê đất đối với các thửa đất công chưa sử dụng. Do đó, việc UBND phường cho thuê đất đối với trường hợp trên là không đúng thẩm quyền.

Để xử lý trường hợp trên, UBND thành phố đã ban hành văn bản số 5415/UBND-VP ngày 28/9/2016 yêu cầu UBND phường xử lý vi phạm và kiểm điểm trách nhiệm của Lãnh đạo UBND phường và các chức danh Công chức địa chính – xây dựng trong công tác quản lý đất công để xảy ra các sai phạm. Tại văn bản 392/BC-UBND ngày 21/9/2017 của UBND phường Vĩnh Hòa báo cáo giải trình công tác quản lý sử dụng đất công phường Vĩnh Hòa: UBND phường Vĩnh Hòa đã tổ chức

kiểm điểm ngày 11/10/2016. Hiện nay, hai thửa đất trên đã bàn giao UBND tỉnh quản lý (UBND tỉnh đã ký hợp đồng cho DNTN Hiếu Thảo Khánh Hòa thuê đất để sản xuất nhang và tẩm nhang theo Quyết định số 2038/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 và hợp đồng thuê đất số 110/2017/HĐTD ngày 24/8/2017).

### III. Nhận xét – Kiến nghị:

Qua kết quả kiểm tra xác minh và đối chiếu hồ sơ, tài liệu hiện có, Đoàn Kiểm tra có nhận xét như sau:

#### 1. Về công tác quản lý tài liệu, hồ sơ đất đai:

Sau khi tách ra từ phường Vĩnh Hải năm 2002, tuy không được bàn giao hồ sơ địa chính từ UBND phường Vĩnh Hải, nhưng UBND phường Vĩnh Hòa không chủ động liên hệ UBND phường Vĩnh Hải hoặc các cơ quan chuyên môn quản lý về đất đai cấp thành phố và cấp tỉnh để sao lục hồ sơ địa chính theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Đất đai năm 1993: “*Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập và quản lý sổ địa chính, đăng ký vào sổ địa chính đất chưa sử dụng và sự biến động về việc sử dụng đất*”, nhất là sau khi UBND thành phố đã có Thông báo số 356/TB-UBND ngày 12/12/2007 về kết luận cuộc họp thông qua kết quả thanh tra việc quản lý và sử dụng đất công ích (đất 5%) tại phường Vĩnh Hải làm cơ sở phục vụ cho công tác quản lý đất đai tại địa phương. Đây là thiếu sót của Lãnh đạo UBND phường và thiếu trách nhiệm của cán bộ chuyên môn qua các nhiệm kỳ không tham mưu, báo cáo kịp thời cho Lãnh đạo UBND phường có kế hoạch, biện pháp sao lục, lưu trữ hồ sơ địa chính theo quy định, nên UBND phường không cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của Đoàn Kiểm tra.

#### 2. Về công tác quản lý các loại đất công:

UBND phường còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Do buông lỏng công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ địa chính nên UBND phường không nắm chính xác số thửa, tờ bản đồ, diện tích đất, tình trạng biến động đất công do UBND phường quản lý thể hiện qua số liệu đất công không trùng khớp giữa báo cáo cho Đoàn Kiểm tra năm 2017 là 04 thửa (UBND phường nhớ chứ không căn cứ vào hồ sơ quản lý), số liệu báo cáo theo chỉ đạo của UBND thành phố trong đợt rà soát đất công trên toàn địa bàn thành phố năm 2013 là 06 thửa và số liệu theo Sổ mục kê đất đai năm 2014 là 20 thửa. Do số liệu báo cáo không căn cứ vào hồ sơ tài liệu

gốc nên UBND phường quản lý đất không chặt chẽ, để xảy ra tình trạng quản lý đất không hiệu quả, sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng nhà trên đất công.

- Không cập nhật theo dõi các thửa đất do UBND phường quản lý nên xảy ra nhiều trường hợp lấn chiếm; nhiều trường hợp các hộ dân sử dụng cũng chưa rà soát, xác định nguồn gốc kịp thời để làm cơ sở xử lý (khu đất 133 Dương Hiến Quyền, khu đất Xí nghiệp gỗ 19/5)

- UBND phường chưa quan tâm thật sự và chỉ đạo củng cố hồ sơ địa chính để tăng cường hiệu quả công tác quản lý đối với quỹ đất được giao; cho thuê đất không đúng thẩm quyền dẫn đến việc sử dụng đất không đúng mục đích, xây dựng trái phép trên đất cho thuê (đối với trường hợp ông Cao Xuân Trục).

- Không rà soát, bổ sung đất nông nghiệp để thực hiện quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Luật Đất đai năm 2013: “*Đất nông nghiệp do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trả lại hoặc tặng cho quyền sử dụng cho Nhà nước, đất khai hoang, đất nông nghiệp thu hồi là nguồn để hình thành hoặc bổ sung cho quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn*”.

- Không có biện pháp, kế hoạch quản lý đối với thửa số 2, tờ bản đồ số 13 đã bị thu hồi giao cho UBND phường quản lý trong vụ tranh chấp giữa ông Nguyễn Phúc Quảng với bà Nguyễn Thị Mẫn theo Quyết định số 2703/QĐ-UB ngày 15/7/2002 của UBND thành phố, nhưng hiện nay vẫn bị ông Quảng chiếm dụng.

- Buông lỏng công tác quản lý đối với đất lâm nghiệp bị thu hồi đối với các hộ gia đình, cá nhân tại khu vực tổ 13, Đường Đệ theo các quyết định của UBND tỉnh và UBND thành phố, để xảy ra tình trạng chuyển nhượng, sử dụng đất sai mục đích, xây dựng trái phép nhưng UBND phường chưa xử lý vi phạm hành chính.

- Cập nhật thông tin trong Sổ mục kê đất đai năm 2014 thiếu chính xác về tên chủ sử dụng, chế độ quản lý, đối tượng sử dụng đối với 02 thửa do UBND phường quản lý: Thửa số 2, tờ bản đồ số 3 (hiện do ông Nguyễn Phúc Quảng sử dụng); thửa số 20 (một phần), tờ bản đồ số 41 (do điều chỉnh giảm diện tích sử dụng trên Giấy chứng nhận cấp cho ông Nguyễn Thăng).

- Kiểm tra, rà soát, thống kê quỹ đất công tại địa phương không đầy đủ, chính xác theo chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 369/UBND ngày 09/02/2012 về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công ích (đất 5%) tại các xã,

phường; chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 490/UBND ngày 25/01/2013 về việc rà soát, báo cáo quỹ nhà đất do UBND các xã, phường thuộc thành phố Nha Trang đang quản lý, sử dụng.

- UBND phường không theo dõi, thống kê các thửa đất công gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai tại địa phương trong thời gian qua, chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất, đối với đất được giao để quản lý được quy định tại khoản 2, Điều 7 (Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với việc sử dụng đất) và khoản 2, Điều 8 (Người chịu trách nhiệm trước Nhà nước đối với đất được giao để quản lý) Luật Đất đai năm 2013. Do đó, các tồn tại nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của Chủ tịch UBND phường và cán bộ địa chính qua các thời kỳ.

### 3. Kiến nghị:

Từ kết quả xác minh nêu trên, Đoàn Kiểm tra kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố giao Chủ tịch UBND phường Vĩnh Hòa:

3.1. Kiểm tra, rà soát, báo cáo cụ thể nguồn gốc, quá trình, hiện trạng sử dụng đối 139 thửa (Phụ lục 3) đang được người dân sử dụng và xây dựng nhà ở nằm trong 37 thửa theo Sổ đăng ký ruộng đất phường Vĩnh Hải năm 1986. Trước mắt, đăng nhập cảnh báo tạm thời đối với 139 thửa này.

3.2. Kiểm tra, rà soát, báo cáo và đề xuất hướng xử lý từng trường hợp cụ thể đối với toàn bộ khu đất lâm nghiệp tại tổ 13, Đường Đệ bị thu hồi theo các quyết định của UBND tỉnh, và UBND thành phố.

3.3. Tiếp tục rà soát đồng loạt, lập danh sách, báo cáo UBND thành phố để đưa vào quản lý theo qui định những thửa đất còn bỏ trống, chưa sử dụng trên địa bàn phường.

3.4. Xử lý triệt để thu hồi và đưa vào quản lý theo qui định đối thửa đất ông Nguyễn Phúc Quảng đang chiếm dụng.

3.5. Đẩy nhanh công tác xét cấp Giấy chứng nhận cho các hộ tại khu đất Xí nghiệp gỗ 19/5 khi có chỉ đạo của UBND thành phố (thực hiện văn bản số 7607/UBND-XDND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh).

3.6. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn thu thập và lưu trữ hồ sơ địa chính để phục vụ công tác quản lý đất đai tại địa phương;

3.7. Xử lý trách nhiệm Chủ tịch, cán bộ địa chính của UBND phường Vĩnh Hòa qua các thời kì trong việc:

+ Thiếu trung thực trong công tác báo cáo theo chỉ đạo của UBND thành phố tại Công văn số 369/UBND ngày 09/02/2012 về việc tăng cường công tác quản lý, sử dụng quỹ đất công ích (đất 5%) tại các xã, phường; chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 490/UBND ngày 25/01/2013 về việc rà soát, báo cáo quỹ nhà đất do UBND các xã, phường thuộc thành phố Nha Trang đang quản lý, sử dụng.

+ Thiếu trách nhiệm trong công tác thu thập, lưu trữ hồ sơ địa chính.

+ Thiếu trách nhiệm trong việc xử lý thu hồi đất của ông Nguyễn Phúc Quảng.

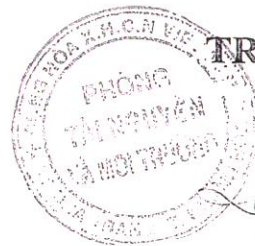
+ Buông lỏng công tác quản lý đất đai, để các hộ dân lấn chiếm, sử dụng không đúng mục đích, xây dựng trái phép trên đất lâm nghiệp đã bị thu hồi giao UBND phường quản lý nhưng không xử lý hoặc xử lý không triệt để.

+ UBND phường tổ chức rút kinh nghiệm trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai, về công tác lưu trữ hồ sơ địa chính, có trách nhiệm rà soát lại toàn bộ quỹ đất tại địa phương.

Đoàn kiểm tra kính trình Chủ tịch UBND thành phố xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: VT, hs Đoàn k/tra.



**TRƯỞNG ĐOÀN**

Nguyễn Khánh Nguyễn

**DANH SÁCH ĐẤT DO UBND PHƯỜNG VINH HẢI QUẢN LÝ (NAY THUỘC  
PHƯỜNG VINH HÒA) THEO SỔ ĐĂNG KÝ RUỘNG ĐẤT NĂM 1986**

STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986					
	Tổ	Thôn	Diện tích	Loại đất	Chủ sử dụng	Địa chỉ
1	2	02	1,760.0	CD/k	UB phường quản lý	Đông Bắc
2	2	32	195.0	Mùa	UB phường quản lý	Bầu ngoài
3	2	54	860.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bầu ngoài
4	2	125	435.0	T	UB phường quản lý	Bầu ngoài
5	2	126	100.0	T	UB phường quản lý	Bầu ngoài
6	2	128	210.0	T	UB phường quản lý	Chùa trên
7	2	129	385.0	T	UB phường quản lý	Chùa trên
8	2	171	858.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bầu trong
9	2	207	440.0	Mùa	UB phường quản lý	Chùa dưới
10	2	209	385.0	ĐM	UB phường quản lý	Chùa dưới
11	2	213	985.0	CD/k	UB phường quản lý	Chùa dưới
12	2	214	360.0	Mùa	UB phường quản lý	Chùa dưới
13	2	241	85.0	ĐM	UB phường quản lý	MK thấp
14	2	383	1,170.0	T	UB phường quản lý	Đông Bắc
15	2	406	30.0	Hg/db	UB phường quản lý	Thái Hải
16	2	420	445.0	Rau	UB phường quản lý	Thái Hải
17	2	516	7,920.0	T	UB phường quản lý	Đông Bắc
18	5	04	2,060.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đông Nam
19	5	08	24,830.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đông Nam
20	5	09	27,200.0	ĐM	UB phường quản lý	Đông Nam
21	5	12	12,200.0	ĐM	UB phường quản lý	Đông Nam
22	5	19	1,480.0	ĐM	UB phường quản lý	Đông Nam
23	5	31	1,800.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đông Nam
24	6	07	1,610.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đường Đệ
25	6	08	1,890.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đường Đệ
26	6	16	2,775.0	ĐM	UB phường quản lý	Đường Đệ
27	6	19	30,850.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đường Đệ
28	6	21	9,510.0	Rtr/nn	UB phường quản lý	Đường Đệ
29	6	22	7,630.0	CDK	UB phường quản lý	Đường Đệ
30	6	04	231,800.0	Hg/db	UB phường quản lý	Đường Đệ
31	7	01	280,000.0	Q	UB phường quản lý	Bãi Tiên
32	7	02	30,400.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bãi Tiên

STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986					
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Chủ sử dụng	Địa chỉ
33	7	03	61,000.0	Q	UB phường quản lý	Bãi Tiên
34	7	06	8,660.0	Rtr/nn	UB phường quản lý	Bãi Tiên
35	7	07	2,340.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bãi Tiên
36	7	08	27,150.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bãi Tiên
37	7	09	20,600.0	Hg/db	UB phường quản lý	Bãi Tiên
Tổng cộng: 37 thửa =			802,408.0	m <sup>2</sup>		

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
 Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số  
 10965/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của Chủ  
 tịch UBND TP Nha Trang

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT DO UBND PHƯỜNG VINH HÒA QUẢN LÝ (ĐÃ  
 BỊ THU HỒI ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN)

STT	Số đăng ký ruộng đất năm 1986						Địa chỉ	Bản đồ 2008
	Tờ	Tnửa	Diện tích	Loại đất	Chủ sử dụng			
1	2	32	195.0	Mùa	UB phường QL	Bầu ngoài	KDC Nam Hòn Khô	
2	2	171	858.0	Hg/db	UB phường QL	Bầu trong	DA Bắc Vĩnh Hải	
3	2	207	440.0	Mùa	UB phường QL	Chùa dưới	DA Bắc Vĩnh Hải	
4	2	209	385.0	ĐM	UB phường QL	Chùa dưới	Hải, sân bóng KTC	
5	2	213	985.0	CD/k	UB phường QL	Chùa dưới	DA Bắc Vĩnh Hải	
6	2	214	360.0	Mùa	UB phường QL	Chùa dưới	DA Bắc Vĩnh Hải	
7	2	241	85.0	ĐM	UB phường QL	MK thấp	Hải	
8	2	383	1,170.0	T	UB phường QL	Đông Bắc	Làng SOS	
9	2	406	30.0	Hg/db	UB phường QL	Thái Hải	Làng SOS	
10	2	420	445.0	Rau	UB phường QL	Thái Hải	Làng SOS	
11	5	04	2,060.0	Hg/db	UB phường QL	Đông Nam	Mở đường Điện Biên Phủ	
12	5	08	24,830.0	Hg/db	UB phường QL	Đông Nam	KDC Nam Hòn Khô	
13	5	09	27,200.0	ĐM	UB phường QL	Đông Nam	KDC Nam Hòn Khô	
14	5	12	12,200.0	ĐM	UB phường QL	Đông Nam	KDC Nam Hòn Khô	
15	5	31	1,800.0	Hg/db	UB phường QL	Đông Nam	Khô	
16	6	21	9,510.0	Rtr/nn	UB phường QL	Đường Đệ	Hòn 1	
17	6	22	7,630.0	CDK	UB phường QL	Đường Đệ	1 phần Dự án Saexco NT, 1 phần mở đường Phạm Văn Đồng	

STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986						Bản đồ 2008
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Chủ sử dụng	Địa chỉ	
18	6	04	231,800.0	Hg/db	UB phường QL	Đường Đệ	Khu TĐC Hòn Sện (Đông Mương)
19	7	01	280,000.0	Q	UB phường QL	Bãi Tiên	DA Rusaka
20	7	02	30,400.0	Hg/db	UB phường QL	Bãi Tiên	DA Rusaka
21	7	03	61,000.0	Q	UB phường QL	Bãi Tiên	DA Rusaka
22	7	06	8,660.0	Rtr/nn	UB phường QL	Bãi Tiên	DA Khu DL TT Hòn Tiên
23	7	07	2,340.0	Hg/db	UB phường QL	Bãi Tiên	Mở đường Phạm Văn Đồng
24	7	08	27,150.0	Hg/db	UB phường QL	Bãi Tiên	Dự án Khu du lịch thể thao Hòn Tiên
25	7	09	20,600.0	Hg/db	UB phường QL	Bãi Tiên	Dự án Khu du lịch thể thao Hòn Tiên
<b>Tổng cộng: 25 thửa =</b>			<b>752,133.0 m<sup>2</sup></b>				

UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
 Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số  
 10965/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của  
 Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang

DANH SÁCH CÁC THỬA ĐẤT DO UBND PHƯỜNG VĨNH HẢI QUẢN LÝ (NAY THUỘC  
 UBND PHƯỜNG VĨNH HÒA) ĐÃ BỊ DÂN CHIẾM SỬ DỤNG

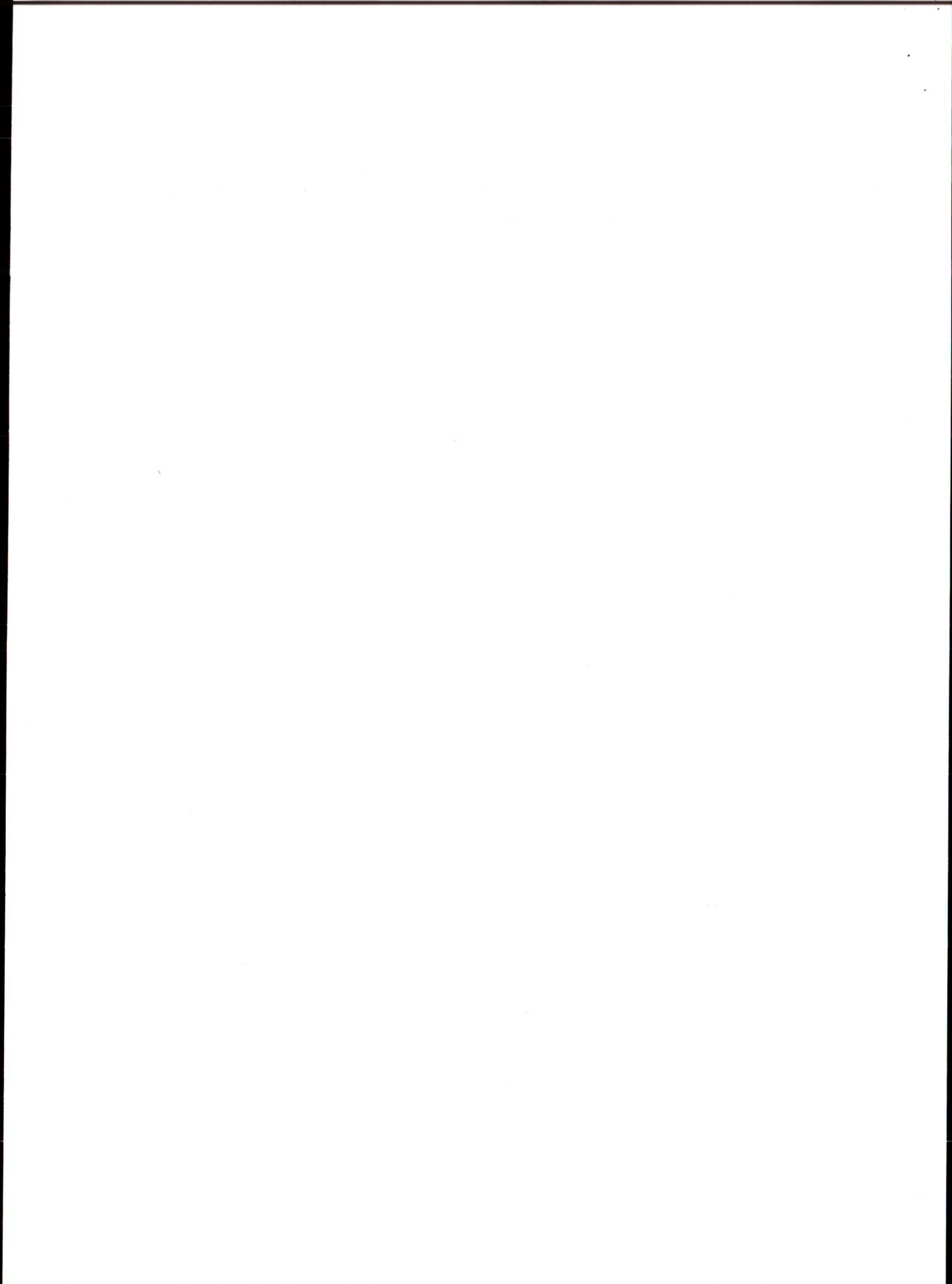
STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986					Tương ứng Bản đồ 2008				Số mục kê đất đai năm 2014							
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ	Tờ	Thửa	Diện tích	Hiện trạng	Chủ sử dụng	Cấp GCN						
1	2	02	1,760.0	CD/k	Đông Bắc	40	171	274.60	XD nhà	Hoàng Anh	ODT						
						40	172	225.10	Đất trồng	Đào Hồ Thị Nguyệt Thủy							
						40	158	54.20	Đất trồng	Cao Long Nhất Hải							
						40	157	67.20	XD nhà	Hồ Thị Tâm							
						40	154	133.60	Đất trồng								
						40	174	646.60		Không kê khai							
						40	173	132.10	Đất trồng								
						40	175	175.20	Đất trồng	Trần Trung Thuận Ngô Xuân Dũng							
						40	176	246.50	XD nhà								
						9	thửa	1,955.10									
						2	2	54	860.0	Hg/db		Cộng: Bàu ngoài	39	131	194.00	Đất trồng	Vũ Ca Thịnh
						39	132	192.80	XD nhà	Nguyễn Đức Thông							
						39	133	73.30	XD nhà	Trần Bá Trọng							
39	134	136.10	XD nhà	Bùi Xuân Gia													
39	135	146.40	Đất trồng	Đình Đức Tiến													
39	136	146.20	XD nhà	Trần Long Vân													
39	137	200.10	XD nhà	Lưu Văn Tuấn													
7	thửa	1,088.90															
3	2	125	435.0	T	Cộng: Bàu ngoài Chùa trên	48	45	118.00	XD nhà	Đào Tuấn Anh							
4	2	128	210.0	T	Chùa trên	48	44	154.40	XD nhà	Không kê khai							
5	2	129	385.0	T	Chùa trên Bàu ngoài	48	43	133.70	Đất trồng	Võ Thị Bích Thủy							
6	2	126	100.0	T	ngoài	48	41	132.70	XD nhà	Không kê khai							

STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986					Tương ứng Bản đồ 2008				Sổ mục kê đất đai năm 2014									
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ	Tờ	Thửa	Diện tích	Hiện trạng	Chủ sử dụng	Cấp GCN								
7	2	516	7,920.0	T	Cộng: Đông Bắc	48	42	70.20	XD nhà	Nguyễn Thái Thu Thủy Quách Thị Thu Dung Không kê khai									
						48	39	415.30	XD nhà										
						48	40	163.10	XD nhà										
													7	thửa	1,187.40				
													64	205	1,269.90				
													64	206	309.30				
													64	236	94.90				
													64	237	75.00				
													64	238	94.60				
													64	239	83.60				
													64	240	95.50				
													64	241	90.00				
													64	242	89.00				
													64	243	172.00				
													64	244	44.30				
													64	245	128.30				
													64	246	142.50				
													64	247	168.70				
													64	248	68.70				
													64	249	72.30				
													64	250	77.70				
													64	251	30.30				
													64	252	200.70				
													Cộng:	19	thửa	3,307.30			
														65	32	2,480.60			
														65	33	86.20			
														65	34	112.00			
														65	35	281.60			
														65	36	369.80			
														65	37	73.20			
														65	38	76.20			
														65	39	163.30			
						65	40	133.10											
						65	41	247.10											
						65	42	140.40											
					Cộng:	11	Thửa	4,163.50											
8	5	19	1.480.0	ĐM	Cộng: Đông Nam	54	94	32.00											
						54	105	29.40											
						54	104	24.60											
						54	103	103.00											
						Cộng:	4	thửa	189.00										

STT	Sổ đăng ký ruộng đất năm 1986					Tương ứng Bản đồ 2008				Sổ mục kê đất đai năm 2014	
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ	Tờ	Thửa	Diện tích	Hiện trạng	Chủ sử dụng	Cấp GCN
9	6	07	1,610.0	Hg/db	Đường Đệ	28	19	81.80		Không kê khai	
						28	20	62.10			
						28	21	657.10			
						28	23	69.70			
						28	24	55.00			
						28	25	104.40			
						28	59	64.60			
						28	61	60.40			
						28	62	64.10			
						28	67	41.00			
<b>Cộng:</b>						<b>10</b>	<b>thửa</b>	<b>1,260.20</b>			
10	6	08	1,890.0	Hg/db	Đường Đệ	28	18	85.20			
						28	26	127.70			
						28	58	195.70			
						28	68	49.70			
						28	27	2,177.50			
						<b>Cộng:</b>					
11	6	16	2,775.0	ĐM	Đệ	28	163	149.40			
						28	164	744.40			
						28	205	410.30			
						28	211	77.10			
						28	212	86.00			
						28	210	120.30			
						28	209	167.20			
						28	208	156.60			
						28	207	179.70			
						28	206	151.60			
<b>Cộng:</b>						<b>10</b>	<b>thửa</b>	<b>2,242.60</b>			
12	6	19	30,850.0	Hg/db	Đệ	36	1 phần trường bán, 1 phần làm đường GT				
						36	2	65.70			
						36	3	76.70			
						36	4	50.00			
						36	5	131.60			
						36	6	459.00			
						36	7	193.40			
						36	8	298.10			
						36	9	295.50			
						36	10	85.50			
						36	11	162.60			
						36	12	79.60			
						36	13	120.30			

STT	Số đăng ký ruộng đất năm 1986				Tương ứng Bản đồ 2008				Số mục kê đất đai năm 2014		
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ	Tờ	Thửa	Diện tích	Hiện trạng	Chủ sử dụng	Cấp GCN
						36	14	120.30			
						36	34	259.00			
						36	35	212.60			
						36	36	443.90			
						36	37	232.70			
						36	38	98.10			
						36	39	145.60			
						36	41	1,766.90			
						36	42	80.50			
						36	43	59.90			
						36	44	884.60			
						36	45	106.50			
						36	46	136.40			
						36	47	148.00			
						36	48	65.00			
						36	49	59.40			
						36	50-1 phần	400.00			
						36	76	262.50			
						36	94	201.30			
						36	95	189.60			
						36	103	22.80			
						36	105	116.20			
						36	104	279.80			
						36	102	274.40			
						36	97	144.40			
						36	96	151.00			
						36	93	155.90			
						36	92	203.70			
						36	78	108.30			
						36	77	117.60			
						36	79	218.70			
						36	80	94.40			
						36	81	528.10			
						36	82	49.50			
						36	88	71.70			
						36	89	54.00			
						36	90	48.30			
						36	100	481.00			
						36	107	326.10			
						36	109	151.30			
						36	106	145.10			
						36	101	239.40			
						36	99	85.80			
						36	98	115.60			

STT	Số đăng ký ruộng đất năm 1986					Tương ứng Bản đồ 2008				Số mục kê đất đai năm 2014	
	Tờ	Thửa	Diện tích	Loại đất	Địa chỉ	Tờ	Thửa	Diện tích	Hiện trạng	Chủ sử dụng	Cấp GCN
						36	91	203.70			
						57	thửa	12,277.60			
Tổng: 12 thửa =			50,275.0	m2		139	thửa	30,307.40		m2	



UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG  
 Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số  
 10965/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của  
 Chủ tịch UBND TP Nha Trang

DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CÔNG DO UBND PHƯỜNG QUẢN LÝ  
 THEO SỔ MỤC KÊ ĐẤT ĐẠI NĂM 2014

STT	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Ghi chú
1	4	30	53.6	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
2	4	29	212.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
3	4	31	5039	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
4	5	52	3109.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
5	12	52	4069.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
6	12	53	419.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
7	12	51	1607.8	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	
8	12	54	32.9	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
9	13	21	28	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
10	13	22	120.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
11	15	62	187.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
12	15	63	92.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
13	15	65	468.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
14	15	64	5406.8	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
15	15	7	92.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Giao QL
16	16	64	3110.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
17	17	51	1817.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
18	18	117	9418.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
19	19	51	5036.8	Đất giao thông không kinh doanh	
20	22	1	280.8	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
21	22	51	3670.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
22	22	52	749.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
23	22	53	847.6	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	Giao QL
24	23	178	136.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
25	23	179	10517.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
26	23	180	360.4	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
27	23	181	234.1	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
28	24	294	6964.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
29	25	51	241.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
30	25	52	237.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
31	26	68	514.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
32	26	69	245.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
33	26	70	438.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL

STT	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Ghi chú
34	26	71	6330.6	Đất thủy lợi không kinh doanh	
35	27	60	2179.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
36	27	62	826.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
37	27	63	8206	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
38	27	64	1669.6	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
39	28	321	11466.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
40	28	322	33.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
41	28	323	14	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
42	28	324	35.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
43	28	319	6883.3	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
44	28	320	84.4	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
45	29	118	10982.7	Đất giao thông không kinh doanh	
46	30	34	2963.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
47	30	33	78.5	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	Giao QL
48	31	104	214	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
49	31	188	423.4	Đất giao thông không kinh doanh	
50	31	189	65.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
51	31	190	1719.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
52	31	191	1055.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
53	31	192	1621.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
54	31	194	52.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
55	31	196	51.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
56	31	197	836.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
57	31	193	2151.3	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	Giao QL
58	31	195	91.5	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	Giao QL
59	32	353	21.5	Đất bằng chưa sử dụng	Giao QL
60	32	344	21.5	Đất giao thông không kinh doanh	
61	32	345	4021.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
62	32	346	16.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
63	32	347	214.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
64	32	348	665.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
65	32	350	86.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
66	32	351	1175.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
67	32	352	577.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
68	32	349	1333.5	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	Giao QL
69	33	212	562.7	Đất bằng chưa sử dụng	
70	33	218	95.8	Đất bằng chưa sử dụng	
71	33	205	899	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
72	33	206	52.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
73	33	207	161.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
74	33	208	745.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL

S/TT	Tờ BD	Số thửa	Diện tích	Loại đất	
75	33	210	156.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
76	33	211	5.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
77	33	220	311	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
78	33	209	4092.7	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
79	34	118	2467.1	Đất bằng chưa sử dụng	
80	34	113	25.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
81	34	114	578.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
82	34	115	50.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
83	34	116	2166.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
84	34	112	2699.8	Đất thủy lợi không kinh doanh	
85	35	3	8.9	Đất bằng chưa sử dụng	
86	35	7	14	Đất bằng chưa sử dụng	
87	35	51	2165.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
88	35	52	30	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
89	36	111	581.7	Đất bằng chưa sử dụng	
90	36	110	6591.8	Đất đồi núi chưa sử dụng	
91	36	156	13485.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
92	36	155	6829.6	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
93	37	86	99.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
94	37	87	7621.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
95	38	220	9289	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
96	38	48	200.9	Đất ở tại đô thị	
97	39	180	81.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
98	39	183	307.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
99	39	186	54.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
100	39	188	2545.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
101	39	190	30	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
102	39	191	127	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
103	39	192	4874	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
104	39	181	294.2	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
105	39	189	675.9	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
106	39	197	65.9	Đất ở tại đô thị	
107	40	293	483.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
108	40	294	4507.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
109	40	297	96.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
110	40	298	99.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
111	40	299	73.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
112	40	300	672.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
113	40	295	292.1	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
114	40	296	2721.8	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
115	41	188	11260.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL

STT	Tờ BĐ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Ghi chú
116	41	189	69.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
117	41	191	115.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
118	41	190	204.2	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
119	42	195	82.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
120	42	196	460	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
121	42	198	9630.1	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
122	42	199	3396.2	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
123	43	207	264.5	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
124	43	208	6733.6	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
125	43	209	5559.6	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
126	44	197	3363.7	Đất bằng chưa sử dụng	
127	44	198	57.5	Đất bằng chưa sử dụng	
128	44	199	974.7	Đất bằng chưa sử dụng	
129	44	189	69.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
130	44	190	52.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
131	44	191	254.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
132	44	192	415.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
133	44	196	3854	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
134	44	193	4666.4	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
135	44	194	215.2	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
136	44	195	167.4	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
137	45	296	139.6	Đất bằng chưa sử dụng	
138	45	282	23	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
139	45	283	6780	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
140	45	284	37.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
141	45	285	615	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
142	45	287	130.8	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
143	45	293	14.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
144	45	295	2908.7	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
145	45	286	67.6	Đất thủy lợi không kinh doanh	Giao QL
146	46	132	29.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
147	46	133	13341.9	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
148	47	8	1040.3	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
149	48	283	9436.4	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
150	48	284	1083.2	Đất giao thông không kinh doanh	Giao QL
<b>Tổng:</b>		<b>150</b>	<b>301,441.00</b>		

Số: 4021 /UBND-VP

PHÒNG TÀI NGUYÊN & MÔI TRƯỜNG TP. NHA TRANG, ngày 14 tháng 6 năm 2018

V/v: gia hạn thực hiện kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý.

ĐẾN Số: 9380  
Ngày: 15.6.18  
Chuyển: Ckhue  
Lưu hồ sơ số: UBND phường Vĩnh Hòa

Sau khi xem xét đề nghị của UBND phường Vĩnh Hòa tại Công văn số 429/UBND ngày 02/5/2018 V/v xin gia hạn kết quả kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất công do UBND phường quản lý, UBND thành phố Nha Trang có ý kiến và yêu cầu như sau:

Ngày 09/11/2017, UBND thành phố đã họp thống nhất Báo cáo số 6950/BC-ĐKTr ngày 17/10/2017 của Đoàn kiểm tra - Phòng Tài nguyên và Môi trường về kết quả kiểm tra công tác và sử dụng đất (đất công ích, đất chưa giao, đất chưa sử dụng) do UBND phường Vĩnh Hòa quản lý, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND phường Vĩnh Hòa và các bộ địa chính phường cùng dự và đã nghe kết luận của UBND thành phố. Tuy nhiên, UBND phường Vĩnh Hòa chưa triển khai thực hiện theo đúng chỉ đạo của UBND thành phố.

Do vậy, UBND thành phố Nha Trang gia hạn thời gian thực hiện Thông báo kết luận số 1490/TB-UBND ngày 21/11/2017 của UBND thành phố Nha Trang đến ngày 15/7/2018.

Yêu cầu Chủ tịch UBND phường Vĩnh Hòa thực hiện chỉ đạo nêu trên và báo cáo kết quả về UBND thành phố theo đúng thời gian quy định nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND TP;
- Phòng TNMT;
- phòng QLĐT;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT. CV Chúc.(08b)



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huy Toàn

